

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 18-7-2025

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phan Ngọc Thạch**;

Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Quốc Việt**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đại Phụng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1972 và bà Hồ Thị Hồng N1, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/02/2025 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Lâm Thị N trình bày:

Ngày 22/3/2016 âm lịch bà N1 đến nhà bà hỏi vay 30.000.000 đồng để buôn bán tạp hóa, làm rẫy, có làm giấy do bà N1 ký tên, hôm đó không có ông Đ nên ông Đ không ký tên, lãi suất thỏa thuận là 1.500.000 đồng/01 tháng nhưng không ghi vào giấy nợ, hẹn đến ngày 22/12/2016 âm lịch sẽ trả. Sau khi vay thì bà N1 có trả cho bà được khoảng 02-03 tháng tiền lãi thì không trả nữa và bỏ địa phương đi đến nay không biết đi đâu, lâu lâu mới về một lần. Mỗi lần bà biết bà N1 về thì bà có đòi nợ, ông Đ có biết và có hứa trả nợ cho bà. Lần gần đây nhất vào ngày

20/02/2025 bà có gặp đòi nợ thì ông D có hứa sẽ trả cho bà mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 6/2025 nhưng bà không đồng ý nên mới khởi kiện.

Nay bà yêu cầu ông D, bà N1 trả lại cho bà 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 22/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn là ông Lê Hoàng Đ và bà Hồ Thị Hồng N1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc ông D, bà N1 có nghĩa vụ trả lại cho bà N 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 22/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

+ Ông D, bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N là nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông D, bà N1 là bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N, ông D, bà N1.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu ông D, bà N1 có nghĩa vụ trả lại cho bà 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 22/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc của bà N thấy rằng: Căn cứ vào Giấy cho vay tiền ngày 22/3/2016 âm lịch do bà N cung cấp cùng lời trình bày của bà N có đủ căn cứ xác định: Ngày 22/3/2016 âm lịch bà N1 có vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 22/12/2016 âm lịch sẽ trả, khi bà N đi đòi nợ thì ông D có hứa sẽ trả tiền cho bà N nhưng vẫn chưa trả là có thật. Nay bà N yêu cầu ông D, bà N1 trả lại cho bà 30.000.000 đồng tiền gốc có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của bà N thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án bà N cho rằng các bên tự thỏa thuận tiền lãi cho vay là 1.500.000 đồng/tháng

nhưng không ghi vào giấy nợ nên không có căn cứ xác định lãi suất cụ thể bà [N](#) cho vay. Nay bà [N](#) chỉ yêu cầu tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 22/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là tự nguyện và có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: 30.000.000 đồng X 0,83% tháng X 99 tháng 26 ngày = 24.866.000 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông [Đ](#), bà [N1](#) đều vắng mặt, không có lời trình bày, không có chứng cứ phản bác nên xem như không thực hiện được nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2.4] Từ những phân tích trên, cần buộc ông [Đ](#), bà [N1](#) có nghĩa vụ trả lại cho bà [N](#) 30.000.000 tiền gốc và 24.866.000 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông [Đ](#), bà [N1](#) phải chịu 2.743.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà [N](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà [N](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Lâm Thị N](#) đối với ông [Lê Hoàng Đ](#) và bà [Hò Thị Hồng N1](#) về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông [Lê Hoàng Đ](#) và bà [Hò Thị Hồng N1](#) cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà [Lâm Thị N](#) 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng tiền gốc và 24.866.000 (hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 54.866.000 (năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà [Lâm Thị N](#) có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông [Lê Hoàng Đ](#) và bà [Hò Thị Hồng N1](#) không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông [Lê Hoàng Đ](#) và bà [Hò Thị Hồng N1](#) còn phải trả cho bà [Lâm Thị N](#) số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông [Lê Hoàng Đ](#) và bà [Hò Thị Hồng N1](#) phải chịu 2.743.000 (hai triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà [Lâm Thị N](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà [Lâm Thị N](#) 1.463.000 (một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0003147 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Chung